

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định về cấu trúc định dạng đề thi  
Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông từ năm 2025**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư số 13/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Quyết định số 4068/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt “Phương án tổ chức Kỳ thi và xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông từ năm 2025”;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Cấu trúc định dạng đề thi Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông từ năm 2025 (phụ lục kèm theo). Cấu trúc định dạng đề thi là căn cứ để xây dựng ngân hàng câu hỏi thi và ra đề thi Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông từ năm 2025.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Thường xuyên, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, QLCL.



**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Phạm Ngọc Thuởng**

# BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

## PHỤ LỤC CẤU TRÚC ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI KỶ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỪ NĂM 2025 (Kèm theo Quyết định số **764** /QĐ-BGDĐT ngày **08** tháng **3** năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

### I. Cấu trúc đề thi

#### 1. Hình thức tự luận:

- Môn thi: Ngữ văn;
- Thời gian thi: 120 phút.
- Đề thi gồm: 02 phần (Đọc hiểu và Viết).

#### 2. Hình thức trắc nghiệm:

STT	Môn thi	Thời gian thi (phút)	Số lượng câu hỏi		
			Phần I	Phần II	Phần III
1	Toán	90	12	4	6
2	Vật lí	50	18	4	6
3	Hóa học	50	18	4	6
4	Sinh học	50	18	4	6
5	Địa lí	50	18	4	6
6	Lịch sử	50	24	4	0
7	Giáo dục kinh tế - pháp luật	50	24	4	0
8	Tin học	50	24	6 <sup>1</sup>	0
9	Công nghệ				
9.1	Công nghệ công nghiệp	50	24	4	0
9.2	Công nghệ nông nghiệp	50	24	4	0
10	Ngoại ngữ	50	40	0	0

Lưu ý:

- Phần I gồm các câu hỏi ở dạng thức trắc nghiệm nhiều lựa chọn cho 04 phương án chọn 01 đáp án đúng

<sup>1</sup> Có 02 câu hỏi dành cho tất cả thí sinh; 02 câu hỏi dành cho thí sinh theo định hướng Khoa học máy tính; 02 câu hỏi dành cho thí sinh theo định hướng Tin học ứng dụng.

- Phần II gồm các câu hỏi ở dạng trắc nghiệm dạng Đúng/Sai. Mỗi câu hỏi có 04 ý, tại mỗi ý thí sinh lựa chọn đúng hoặc sai.

- Phần III gồm các câu hỏi ở dạng trắc nghiệm dạng trả lời ngắn. Thí sinh tô vào các ô tương ứng với đáp án của mình.

## **II. Cách thức tính điểm:**

### **1. Tự luận:**

- a) Phần I – Đọc hiểu: 04 điểm.
- b) Phần II – Viết: 06 điểm.
- c) Tổng điểm tối đa toàn bài : 10 điểm.

### **2. Trắc nghiệm:**

- a) Phần I: Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm
- b) Phần II:
  - Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;
  - Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;
  - Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;
  - Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 01 câu hỏi được 1 điểm.
- c) Phần III:
  - Môn Toán: Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,5 điểm.
  - Các môn khác: Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm.
- d) Tổng điểm tối đa toàn bài : 10 điểm.

